

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-3-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Đạt

Ông Lê Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Công – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Bà Mai Thị Thu H, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: Ori-ro 949 Beonan-gil Gwangmyeong-si Gyeonggi-do, Hàn Quốc

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của bị đơn: Anh Mai Đức N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 6, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Võ Văn C trình bày:

Ông và bà Mai Thị Thu H chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai vào ngày 16/10/2008.

Sau khi kết hôn ông và bà H có với nhau 02 người con chung là cháu Võ Hoàng K, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Võ Phi H1 sinh ngày 17/8/2015. Trong quá trình chung sống ông và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tháng 3/2019 bà H sang Hàn Quốc làm việc từ đó đến nay không quay về về Việt Nam lần nào, bỏ mặc, không hỏi thăm đến ông và các con. Hiện nay ông biết được bà H đã kết hôn với một người khác tại Hàn Quốc, đã có con riêng và bà H cũng không có ý định về Việt Nam sinh sống. Nay ông nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn, mỗi người cũng đã có cuộc sống riêng. Vì vậy ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Mai Thị Thu H,

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Võ Hoàng K, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Võ Phi H1 sinh ngày 17/8/2015. Ly hôn ông Võ Văn C xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm thời không phải cấp

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Tại bản tự khai bị đơn bà Mai Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Võ Văn C chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai vào ngày 16/10/2008.

Sau khi kết hôn bà và ông C có với nhau 02 người con chung là cháu Võ Hoàng K, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Võ Phi H1 sinh ngày 17/8/2015. Trong quá trình chung sống bà và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tháng 3/2019 bà sang Hàn Quốc để làm ăn và bà không có ý định về Việt Nam sinh sống. Nay ông C làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà và giao hai con chung là cháu Võ Hoàng K và cháu Võ Phi H1 cho ông được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu phải cấp dưỡng thì bà đồng ý.

Do ở xa bà không thể đến Tòa án tham dự phiên tòa được bà đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà không có yêu cầu hoặc ý kiến gì khác.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai cháu Võ Hoàng K, sinh năm 2010 (con chung của ông C, bà H) trình bày:

Sau khi bà, mẹ ly hôn, cháu tự nguyện xin được ở với ba là ông Võ Văn C, ngoài ra cháu không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông C, bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Sau khi ông C thông báo cho bà H việc ông đã nộp đơn xin ly hôn với bà tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, bà H đã chủ động gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của ông C về Việt Nam, đồng thời ủy quyền cho em ruột nhận văn bản tố tụng của Tòa án, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà. Toàn bộ các văn bản của bà H gửi về được làm tại Hàn quốc, đã hợp pháp hóa lãnh sự tại Đại sứ quán Việt Nam ở Hàn Quốc nên được xem là hợp pháp theo khoản 1 Điều 478 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Võ Văn C xét thấy: Ông Võ Văn C và bà Mai Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 192 ngày 16/10/2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[4] Các đương sự đều thừa nhận: Sau khi kết hôn, ông C và bà H sinh được hai người con chung là cháu Võ Hoàng K, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Võ Phi H1 sinh ngày 17/8/2015. Trong quá trình chung sống ông và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 3/2019, bà H đã bỏ sang Hàn Quốc làm việc, từ đó đến nay bà H không quay về Việt Nam lần nào. Bà H cũng không có ý định quay về Việt Nam sinh sống. Con chung được ông Hải nuôi dưỡng từ năm 2009 đến nay. Nay cả hai đều thống nhất ly hôn do khả năng đoàn tụ không còn. Bà H đồng ý ly hôn và giao 02 con chung là cháu K và cháu H1 cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là tự nguyện. Nhận thấy các tài liệu, văn bản trình bày ý kiến, đơn xin xét xử vắng mặt, giấy ủy quyền cho người khác nhận văn bản tố tụng tại Việt Nam của bà H đã được hợp pháp hóa lãnh sự nên đơn xin ly hôn của ông C và ý chí của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Giao hai cháu Võ Hoàng K, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Võ Phi H1 sinh ngày 17/8/2015 cho ông nguyên đơn ông Võ Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, bị đơn bà Mai Thị Thu H tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con

[6] Về tài sản chung : Nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về án phí: Ông C phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37, 227, 238, 464, 474, 476, khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 122, 123, 127, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của ông Võ Văn C. Ông Võ Văn C được ly hôn bà Mai Thị Thu H

2. Giao hai cháu Võ Hoàng K, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Võ Phi H1 sinh ngày 17/8/2015 cho ông nguyên đơn là ông Võ Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời bị đơn là bà Mai Thị Thu H không phải cấp dưỡng. Bà H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Ông Võ Văn C phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu số 0002554 ngày 05/02/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, ông C đã nộp đủ án phí.

Ông Võ Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, bà Mai Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Dương